

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HSST  
Ngày 29/8/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Lượng.  
**Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông: Lê Văn D

Bà: Điều Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/ QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm 1990 tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn 02, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; giới tính Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Trần Thị Tuyết M; bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 02 (hai) tiền án: Ngày 20/01/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 06/2017/HSST; Ngày 23/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 27/2018/HSST. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/4/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Bùi Văn D (tên gọi khác: Mèo hoang), sinh năm 1987 tại Nam Định; nơi cư trú: thôn 03, xã ĐM, huyện ĐG, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính Nam dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Đỗ Thị M; bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2019 cho đến nay (có mặt).

3. Lương Viết T (tên gọi khác: Nghé), sinh năm 1998, tại Bình Phước; nơi cư trú: Thôn 02, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; giới tính Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lương Viết K (đã chết) và bà Đỗ Thị H; tiền án: Bị cáo có 02 (hai) tiền án: Ngày 23/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 27/2018/HSST; Ngày 18/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 18/2019/HSST; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/4/2019 cho đến nay (có mặt).

**Người bị hại:** bà Trương Thị Lệ N, sinh năm: 1983; HKTT: Thôn 03, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước ( có mặt);

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông: Nguyễn Văn Hòa, sinh năm: 1983; HKTT: Thôn 03, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước ( vắng mặt)

- Ông: Trần Văn T, sinh năm: 1992; HKTT: ấp T Trung, TT. T Bình, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Bà: Trần Thị T, sinh năm: 1959; HKTT: ấp T Trung, TT. T Bình, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

- Bà: Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1995; Thôn 02, xã Đắc Măng, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 10/4/2019, Lê Văn N điện thoại rủ Lương Viết T đi lấy trộm tài sản. T hẹn N đến nhà Nguyễn Văn H ở ấp T Thủy, TT. T Bình, huyện B để đón T. Sau đó N điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không biển số) chạy đến khu vực thôn 03, xã A, huyện B thì phát hiện nhà bà Trương Thị Lệ N không khóa cổng nên N nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của gia đình bà N. N chạy xe đến nhà Hùng thì gặp T và Bùi Văn D nên N rủ D cùng tham gia. Sau đó D điều khiển xe mô tô của N chở N và T đến gần nhà bà N thì dừng xe cho N và T xuống, còn D chạy xe đi về nhà H. Khi đến thì T ở ngoài cánh giới còn N đi vào nhà bà N tìm tài sản để lấy trộm. Do cửa chính không khóa nên N đi vào phòng khách thì phát hiện có 02 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius (một chiếc màu vàng – đen, biển số 93G1-024.92 và 01 chiếc màu đỏ - đen, biển số 61H1-092.56) và 01 chiếc xe đạp điện màu đỏ hiệu Everest, trên các xe này vẫn còn chìa khóa. N dắt lần lượt 03 xe này ra dựng xe ở ngoài đường sát lô cao su nơi T đứng đợi. Sau đó N và T mỗi người điều khiển 01 xe mô tô chạy về nhà Hùng. N giao xe mô tô 93G1-024.92 cho D đem đi cất giấu ở phòng tắm khu nhà trọ bỏ hoang của ông Mai Văn Hắc, còn xe mô tô 61H1-092.56 N đem giấu sau nhà của Hùng. Sau đó T điều khiển mô tô Suzuki, màu đỏ-đen biển số 93G1-199.56 của T chở N đến lô cao su để lấy chiếc xe đạp điện. N điều khiển xe đạp điện cho T điều khiển xe mô tô dùng chân đẩy xe đạp điện chạy về nhà của Hùng. N điện thoại cho D rồi chạy đến nhà ông Hắc rồi N chở D về nhà ông Hùng để D đem chiếc xe đạp điện về nhà trọ của ông Hắc để cất giấu.

Đổi với xe mô tô 61H1-092.56, N dùng tua vít, máy mài của Hùng tháo bỏ toàn bộ phụ tùng của xe, biển số xe, cà số khung của xe, đến khoảng 09 giờ ngày 10/4/2019 N đem xe đến tiệm sửa xe của anh Trần Văn T ở ấp T Trung, TT. T Bình, huyện B để sửa chữa.

Tại bản cáo trạng số 40/CTr-VKS ngày 09/7/2019, VKSND huyện B truy tố các bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Truy tố các bị cáo Lê Văn N ; Lương Viết T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ phạt giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được lại tài sản bị mất và yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền sửa chữa xe là 2.000.000đ, bà Loan là vợ bị cáo D đã bồi thường xong nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt Lê Văn N từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Lương Viết T phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt Lương Viết T từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt Lê Văn N từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Vật chứng vụ án: Không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Các hoạt động tố tụng, các Quyết định của cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn N, Lương Viết T, Bùi Văn D phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 10/4/2019, Lê Văn N, Lương Viết T, Bùi Văn D đã có hành vi lén lút lấy trộm 02 (hai) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius (một chiếc màu vàng – đen, biển số 93G1-024.92 và 01 (một) chiếc màu đỏ - đen, biển số 61H1-092.56) và 01 (một) chiếc xe đạp điện màu đỏ hiệu Everest của bà Trương Thị Lệ N ở Thôn 03, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 37/2019/BKL-ĐGTS ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 10/4/2019 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng – đen, biển số 93G1-024.92 giá trị là 5.940.000đ (năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ-đen, biển số 61H1-092.56 giá trị là 3.960.000đ (ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) 01 (một) chiếc xe đạp điện màu đỏ hiệu Everest, số máy V2040 W0916079912 giá trị là 9.765.000đ (chín triệu bảy triệu sáu mươi năm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là 19.665.000đ (mười chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo Lê Văn N, Lương Viết T, Bùi Văn D đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt của bị cáo Bùi Văn D được quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do các bị cáo Lê Văn N và Lương Viết T đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản 2, Điều 173 của Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận. Các bị cáo là người đã thành niên, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất với nhau về hành vi phạm tội. Tuy nhiên cũng phân tích vai trò của các bị cáo nhằm cá thể hóa hành vi phạm tội, trong vụ án này bị cáo N là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo T cũng với N là người trực tiếp đẩy xe từ nhà bị hại về, cảnh giới cho bị cáo N, D là đồng phạm giúp sức đưa tài sản trộm cắp được đi cất dấu. Nên xét vai trò của bị cáo N là cao nhất sau đó đến bị cáo T, bị cáo D có vai trò mức độ thấp hơn các bị cáo trên.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Văn N và Lương Viết T đều có 02 tiền án nhưng là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên các bị cáo không phải chịu tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo Bùi Văn D ngoài những tình tiết giảm nhẹ nêu trên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả cho người bị hại; đang phải nuôi con nhỏ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tổng hợp hình phạt: Đối với bị cáo Lương Viết T, ngày 18/4/2019 đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 18/2019/HSST, bị cáo chưa chấp hành nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt với Bản án án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đối với bà Nguyễn Thị Hồng Loan đã thay mặt bị cáo D bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay cũng không yêu cầu các bị cáo khác phải bồi thường cho mình nên không xem xét.

Vật chứng:

- Đối với 02 (hai) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius (một chiếc màu vàng – đen, biển số 93G1-024.92 và 01 (một) chiếc màu đỏ - đen, biển số 61H1-092.56) và 01 (một) chiếc xe đạp điện màu đỏ hiệu Everest. Ngày 18/4/2019 và ngày 21/5/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Trương Thị Lệ N là có căn cứ nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 máy mài màu xanh đen là công cụ phạm tội không công giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, không biển số của Lê Văn N; 01 (một) xe mô tô biển số 93G1-199.56 của Lương Viết T, điện thoại di động, tua vít là công cụ phạm tội và 01 biển số xe 61H1-092.56 đã bị mất nên không thu hồi được, HĐXX không đặt ra xem xét.

- Đối với Nguyễn Văn H do không biết xe mô tô do T, N đem đến nhà là tài sản trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý về tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Trần Văn T không biết xe mô tô do N đem đến sửa là tài sản trộm cắp mà có nên cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về mức án đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự, vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N; Lương Viết T; Bùi Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 03(ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 27/4/2019).

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Viết T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 18/2019/HSST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) của bản án này. Buộc bị cáo Lương Viết T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (Ngày 13/4/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 13/4/2019)

2. Vật chứng: Căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 máy mài màu xanh đen.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0007592 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án huyện B)*

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã (thị trấn);
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**  
**(đã ký)**

**Trần Văn Lượng**